

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu:

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán:

- Tên gói thầu: Gói số 02: Cung cấp Dịch vụ vận chuyển hóa chất.
- Dự toán: Dịch vụ vận chuyển hóa chất.
- Nội dung công việc thực hiện: Vận chuyển hóa chất (hóa chất Phèn :Dạng hạt, kích thước hạt 5 -10 mm, màu trắng đục, được chứa trong bao 2 lớp (1 lớp PE có màng, 1 lớp PP), trọng lượng 25kg/bao; PAC: Dạng bột mịn màu trắng, được chứa trong bao 2 lớp (lớp trong là bao PE và lớp ngoài là bao PP), trọng lượng 25kg/bao; Clorin: Dạng hạt kết tinh, màu trắng (trắng ngà), được đóng gói trong thùng nhựa theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, trọng lượng tịnh 45kg/thùng) từ Trung tâm Nước sạch nông thôn và vận chuyển đến các trạm cấp nước Khu vực cấp nước I; Khu vực cấp nước III phục vụ xử lý nước sạch . Bao gồm nhân công bốc xếp đầu lên, đầu xuống và vận chuyển hàng tháng theo kế hoạch cấp phát của Trung tâm Nước sạch nông thôn. Phương tiện vận chuyển: Xe tải $\leq 1,5$ tấn.
- Chủ đầu tư: Trung tâm Nước sạch nông thôn.
- Nguồn vốn: Nguồn chi thường xuyên của đơn vị.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Địa điểm cung cấp: Khu vực cấp nước I; Khu vực cấp nước III Tỉnh Vĩnh Long. (theo danh sách kèm theo)

1.2. Về gói thầu:

- Tên gói thầu: Gói số 02: Cung cấp Dịch vụ vận chuyển hóa chất
- Giá gói thầu: 1.558.900.000 đồng
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh trong nước, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn 01 túi hồ sơ;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 365 ngày

2. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

Nhà thầu phải trình bày về giải pháp và phương pháp luận để thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương V, trong đó nêu rõ về biện pháp và phương án,

kế hoạch công tác chống hạn mục. Phạm vi và tiến độ Vận chuyển hóa chất đáp ứng các yêu cầu sau:

Stt	Tên và đặc điểm kinh tế kỹ thuật	Đvt	Khối lượng	Thời gian thực hiện
1	<p>Dịch vụ vận chuyển hóa chất (hóa chất Phenol): Dạng hạt, kích thước hạt 5 -10 mm, màu trắng đục, được chứa trong bao 2 lớp (1 lớp PE có màng, 1 lớp PP), trọng lượng 25kg/bao; PAC: Dạng bột mịn màu trắng, được chứa trong bao 2 lớp (lớp trong là bao PE và lớp ngoài là bao PP), trọng lượng 25kg/ bao; Clorin: Dạng hạt kết tinh, màu trắng (trắng ngà), được đóng gói trong thùng nhựa theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, trọng lượng tịnh 45kg/thùng) từ Trung tâm Nước sạch nông thôn (Địa điểm nhận hóa chất: Khu vực cấp nước I - Số 63, đường Trần Phú, Phường Phước Hậu, tỉnh Vĩnh Long và vận chuyển đến các trạm cấp nước Khu vực cấp nước I phục vụ xử lý nước sạch (Đính kèm danh sách các TCN KVCN I). Bao gồm nhân công bốc xếp đầu lên, đầu xuống và vận chuyển hàng tháng theo kế hoạch cấp phát của Trung tâm Nước sạch nông thôn. Phương tiện vận chuyển: Xe tải ≤ 1,5 tấn.</p>	tấn	1.700	365 ngày
2	<p>Dịch vụ vận chuyển hóa chất (hóa chất Phenol): Dạng hạt, kích thước hạt 5 -10 mm, màu trắng đục, được chứa trong bao 2 lớp (1 lớp PE có màng, 1 lớp PP), trọng lượng 25kg/bao; PAC: Dạng bột mịn màu trắng, được chứa trong bao 2 lớp (lớp trong là bao PE và lớp ngoài là bao PP), trọng lượng 25kg/ bao; Clorin: Dạng hạt kết tinh, màu trắng (trắng ngà), được đóng gói trong thùng nhựa theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, trọng lượng tịnh 45kg/thùng) từ Trung tâm Nước sạch nông thôn (Địa điểm nhận hóa chất: Khu vực cấp</p>	tấn	680	365 ngày

Stt	Tên và đặc điểm kinh tế kỹ thuật	Đvt	Khối lượng	Thời gian thực hiện
	nước III - Số 456B, Đại lộ Đồng Khởi, phường Phú Khương, tỉnh Vĩnh Long và vận chuyển đến các trạm cấp nước Khu vực cấp nước III phục vụ xử lý nước sạch (Đính kèm danh sách các TCN KVCN III). (Bao gồm nhân công bốc xếp đầu lên, đầu xuống và vận chuyển hàng tháng theo kế hoạch cấp phát của Trung tâm Nước sạch nông thôn). Phương tiện vận chuyển: Xe tải $\leq 1,5$ tấn.			

DANH SÁCH CÁC TRẠM CẤP NƯỚC (KHU VỰC CẤP NƯỚC I)

STT	Tên trạm cấp nước KVCN I	Số km (tính từ Văn phòng KVCN I)	UBND xã
1	Vĩnh Xuân	55	Xã Vĩnh Xuân tỉnh Vĩnh Long
2	Thuận Thới	55	
3	Thới Hòa	55	Xã Hòa Bình tỉnh Vĩnh Long
4	Xuân Hiệp	30	
5	Hòa Bình	45	
6	Phú Thành	60	Xã Lục Sĩ Thành tỉnh Vĩnh Long
7	Lục Sĩ Thành 1	60	
8	Lục Sĩ Thành 2	60	
9	Tích Thiện	60	Xã Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long
10	Trà Côn	55	Xã Trà Côn tỉnh Vĩnh Long
11	Thiện Mỹ	60	
12	Trung Ngãi 1	45	Xã Trung Ngãi tỉnh Vĩnh Long
13	Trung Ngãi 2	50	
14	Trung Nghĩa	55	
15	Hiếu Nhơn	40	Xã Hiếu Thành tỉnh Vĩnh Long
16	Hiếu Thành	45	
17	Hiếu Nghĩa	55	
18	Hiếu Liên	55	

19	Tân An Luông	25	Xã Trung Hiệp tỉnh Vĩnh Long
20	Trung Chánh	50	
21	Trung Hiệp 2	50	
22	Trung An	45	Xã Hiếu Phụng tỉnh Vĩnh Long
23	Thanh Bình	65	Xã Quới Thiện tỉnh Vĩnh Long
24	Quới Thiện	65	
25	Tân Quới Trung	40	Xã Quới An tỉnh Vĩnh Long
26	Trung Thành Tây	55	
27	Phú Quới	15	Xã Phú Quới tỉnh Vĩnh Long
28	Lộc Hòa	15	
29	Hòa Phú 2	20	
30	Thạnh Quới 1	20	
31	Long Phước 1	5	Xã Long Hồ tỉnh Vĩnh Long
32	Long Phước 2	10	
33	Long Phước 3	10	
34	Long An 1	20	
35	Long An 2	20	
36	Phú Đức 2	20	
37	Hòa Ninh	20	Xã An Bình tỉnh Vĩnh Long
38	An Bình	10	
39	Đồng Phú	25	
40	Tân Hạnh 1	15	Phường Tân Hạnh tỉnh Vĩnh Long
41	Tân Hạnh 2	20	
42	Phước Hậu 1	10	Phường Phước Hậu tỉnh Vĩnh Long
43	Thuận An	35	Phường Bình Minh tỉnh Vĩnh Long
44	Thuận Phú B	40	
45	Mỹ Hòa	45	Phường Cái Vồn tỉnh Vĩnh Long
46	Đông Thạnh	45	Phường Đông Thành tỉnh Vĩnh Long
47	Đông Bình	40	
48	Đông Thành	50	
49	Nguyễn Văn Thành	40	Xã Mỹ Thuận tỉnh Vĩnh Long
50	Thành Trung	50	
51	Mỹ Thuận	45	

52	Tân Lược	55	Xã Tân Lược tỉnh Vĩnh Long
53	Tân An Thạnh	60	
54	Tân Thành 1	50	
55	Tân Hưng	60	
56	Thành Đông	55	
57	Tân Thành 2	55	
58	Tân Bình	50	Xã Tân Quới tỉnh Vĩnh Long
59	Tân Lộc	25	Xã Cái Ngang tỉnh Vĩnh Long
60	Hậu Lộc	35	
61	Mỹ Lộc 1	30	
62	Phú Lộc	30	
63	Mỹ Lộc 2	35	
64	Tường Lộc	40	Xã Tam Bình tỉnh Vĩnh Long
65	Ngãi Tứ	35	Xã Ngãi Tứ tỉnh Vĩnh Long
66	Loan Mỹ	40	
67	Bình Ninh	45	
68	Phú Hưng	25	Xã Song Phú tỉnh Vĩnh Long
69	Long Phú 1	25	
70	Phú Thịnh	30	
71	Long Phú 2	30	
72	Tân Phú	30	
73	Song Phú	25	Xã Hòa Hiệp tỉnh Vĩnh Long
74	Hòa Lộc	25	
75	Hòa Hiệp	30	
76	Hòa Thạnh 2	35	
77	Long Mỹ	10	Xã Bình Phước tỉnh Vĩnh Long
78	Bình Phước 1	15	
79	Bình Phước 2	20	
80	Hòa Tịnh	20	
81	Chánh Hội 1	25	Xã Cái Nhum tỉnh Vĩnh Long
82	Chánh Hội 2	30	
83	An Phước	30	
84	Chánh An	40	
85	Mỹ An 1	15	Xã Nhơn Phú tỉnh Vĩnh Long
86	Mỹ An 2	10	

87	Mỹ An 3	30	Xã Tân Long Hội tỉnh Vĩnh Long
88	Mỹ Phước	25	
89	Nhơn Phú	30	
90	Tân Long Hội	25	
91	Tân An Hội	25	
92	Tân Long	25	
TỔNG CỘNG: 92 TCN			

DANH SÁCH CÁC TRẠM CẤP NƯỚC (KHU VỰC CẤP NƯỚC III)

STT	Tên trạm cấp nước KVCN III	Số km (tính từ Văn phòng KVCN III)	UBND xã
1	Cụm cấp nước 1		
1.1	Sơn Phú (cù lao Long Thành)	15	Mua nước, không sử dụng hóa chất
1.2	Phước Long	15	Xã Phước Long, tỉnh Vĩnh Long
1.3	Lương Phú	15	Xã Lương Phú, tỉnh Vĩnh Long
1.4	Tân Hào	20	Xã Tân Hào, tỉnh Vĩnh Long
1.5	Hung Nhượng	25	Xã Hưng Nhượng, tỉnh Vĩnh Long
2	Cụm cấp nước 2		
2.1	Châu Hòa	15	Xã Châu Hòa, tỉnh Vĩnh Long
2.2	Châu Bình	25	
2.3	Bình Thành	20	Xã Giồng Trôm, tỉnh Vĩnh Long
3	Cụm cấp nước 3		
3.1	Tân Hưng	30	Xã An Hiệp, tỉnh Vĩnh Long
3.2	An Phú Trung	35	Xã An Ngãi Trung, tỉnh Vĩnh Long
4	Cụm cấp nước 4		
4.1	Phú Lễ	40	Xã Tân Xuân, tỉnh Vĩnh Long
4.2	Tân Mỹ	40	Xã Mỹ Chánh Hòa, tỉnh Vĩnh Long
5	Cụm cấp nước 5		
5.1	Tiên Thủy	15	Xã Tiên Thủy, tỉnh Vĩnh Long
5.2	Phú Đức	20	Xã Tân Phú, tỉnh Vĩnh Long
6	Cụm cấp nước 6		

6.1	Long Định	15	Xã Phú Thuận, tỉnh Vĩnh Long
6.2	Thới Lai	25	Xã Châu Hưng, tỉnh Vĩnh Long
7	Cụm cấp nước 7		
7.1	Bình Khánh Đông	30	Xã Đồng Khởi, tỉnh Vĩnh Long
7.2	Thành Thới A	30	Xã Thành Thới, tỉnh Vĩnh Long
7.3	Ngãi Đăng	30	Xã Hương Mỹ, tỉnh Vĩnh Long
7.4	Tân Trung	30	Xã An Định, tỉnh Vĩnh Long
8	Cụm cấp nước 8		
8.1	Tân Thành Bình	10	Xã Tân Thành Bình, tỉnh Vĩnh Long
8.2	Thanh Tân	10	Phường Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long
8.3	Tân Thanh Tây	20	Xã Nhuận Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long
9	Cụm cấp nước 9		
9.1	Phú Khánh	45	Xã Đại Điền, tỉnh Vĩnh Long
9.2	Thới Thạnh	45	
9.3	Hòa Lợi	45	Xã Quới Điền, tỉnh Vĩnh Long
9.4	Thạnh Phú	50	Xã Thạnh Phú, tỉnh Vĩnh Long
10	Hữu Định	5	Phường Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long
TỔNG CỘNG: 28 TCN			

2.1. Yêu cầu về tiến độ thực hiện: đảm bảo thực hiện trong 365 ngày

2.2 Yêu cầu về nhân lực thực hiện dịch vụ: Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh nhân lực thực hiện dịch vụ đáp ứng yêu cầu của E-HSMT: bằng cấp, chứng chỉ còn hiệu lực, khả năng huy động nhân sự.

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn ⁽²⁾
1	Tài xế	1	<i>tối thiểu 01 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng</i>	- Phải có giấy phép lái xe còn hiệu lực phù hợp với loại xe theo qui định. - CMND hoặc căn cước công dân của nhân sự.

				+ Khả năng huy động nhân sự (Hợp đồng lao động hoặc các tài liệu tương đương khác).
--	--	--	--	---

2.3 Yêu cầu về phương tiện vận chuyển: Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh phương tiện vận chuyển đáp ứng yêu cầu của E-HSMT: hóa đơn hoặc hợp đồng mua bán, kiểm định còn hiệu lực.

STT	Đặc điểm phương tiện vận chuyển	Số lượng tối thiểu cần có
1	Xe tải từ 1,2T đến 1,5T. * Tài liệu cung cấp: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô ; Giấy chứng nhận kiểm định còn hiệu lực. Nếu thiết bị do nhà thầu thuê thì phải có hợp đồng thuê thiết bị với đơn vị cho thuê, đồng thời bên cho thuê phải chứng minh Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô ; Giấy chứng nhận kiểm định còn hiệu lực.	1

3. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;
2. Kế hoạch công tác.

4. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Mục này quy định về quy trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, trình tự giao nộp sản phẩm (nếu có)... để phục vụ công tác thanh, quyết toán hợp đồng.